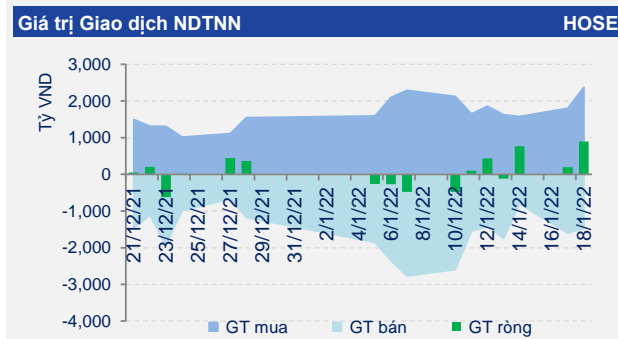
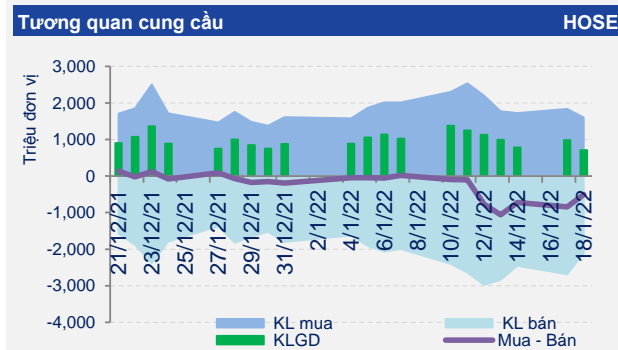


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 18/1/2022

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,437.41	420.10
% Thay đổi	↓ -1.06%	↓ -5.67%
KLGD (CP)	707,816,126	94,548,833
GTGD (tỷ đồng)	21,572.07	2,411.81
Tổng cung (CP)	2,106,366,800	150,852,000
Tổng cầu (CP)	1,604,781,900	102,520,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	31,029,555	658,500
KL mua (CP)	58,606,500	945,828
GT mua (tỷ đồng)	2,372.82	21.97
GT bán (tỷ đồng)	1,476.28	19.60
GT ròng (tỷ đồng)	896.54	2.38



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -1.78%	22.3	3.5	1.0%
Công nghiệp	↓ -3.05%	24.1	3.3	14.5%
Dầu khí	↑ 1.75%	19.8	2.0	3.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.34%	-	10.0	2.9%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.54%	16.1	2.5	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.46%	22.1	3.9	9.4%
Ngân hàng	↑ 0.34%	12.3	2.5	21.7%
Nguyên vật liệu	↓ -2.51%	10.3	2.4	13.8%
Tài chính	↓ -2.91%	20.7	3.6	29.1%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.30%	16.8	2.7	3.2%
VN - Index	↓ -1.06%	17.2	3.2	
HNX - Index	↓ -5.67%	24.2	5.0	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường có phiên giảm điểm thứ tư liên tiếp nhưng nếu so với phiên giảm mạnh hôm qua (-2,9%) thì phiên giảm hôm nay (-0,96%) là tương đối nhẹ nhàng. Các cổ phiếu bất động sản và xây dựng vừa và nhỏ tiếp tục rơi vào tình trạng bị bán bằng mọi giá khiến cho nhiều mã tiếp tục kết phiên tại mức giá sàn như DXG (-7%), ITA (-6,9%), TCH (-7%), CEO (-10%), HQC (-6,9%), HDC (-7%), SCR (-6,8%), DIG (-6,9%), ASM (-6,9%), IDJ (-9,9%), TDH (-6,8%), VPH (-6,9%), LCG (-6,9%), DPG (-7%), L14 (-10%), CTI (-6,8%)... Nhóm cổ phiếu họ FLC tiếp tục chuỗi ngày bị bán sàn với dư bán sàn hàng chục triệu cổ phiếu FLC (-7%), ROS (-7%), HAI (-6,9%), KLF (-9,4%), AMD (-7%), ART (-9,9%). Nhóm cổ phiếu chứng khoán vẫn tiêu cực với nhiều mã giảm mạnh, thậm chí giảm sàn VND (-6,9%), VCI (-6,9%), VIX (-7%), CTS (-6,9%), AGR (-6,8%), APS (-10%)... Nhóm ngân hàng là nhân tố chính cứu thị trường khỏi một phiên giảm mạnh khi một số mã trong nhóm này hồi phục tốt STB (+4%), MBB (+1,4%), TCB (+0,3%), BID (+2,9%), VPB (+0,6%), VCB (+1,6%), ACB (+0,2%), HDB (+1,9%), OCB (+0,2%)... Một số Bluechip cũng hồi phục để hỗ trợ thị trường như PDR (+1,7%), VRE (+1,2%), NVL (+0,1%), VNM (+0,6%), MSN (+0,1%), MWG (+0,1%), VJC (+3,3%), KDH (+1,4%), PLX (+0,7%), SAB (+0,7%)... Kết phiên, VN-Index giảm 13,9 điểm (-0,96%) xuống 1.438,94 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE bớt tiêu cực hơn so với hôm qua với 339 mã giảm (90 mã giảm sàn), 35 mã tham chiếu, 135 mã tăng (5 mã tăng trần).

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm phiên thứ tư liên tiếp nhưng điểm tích cực có thể thấy là khối ngoại quay trở lại mua ròng với khoảng 900 tỷ đồng trên hai sàn. Thanh khoản tiếp tục suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên trong phiên thứ ba liên tiếp cho thấy áp lực bán đang dần cạn kiệt. Thị trường giảm hôm nay một phần do lực cầu đang khá yếu ở thời điểm sắp đến kỳ nghỉ Tết. Với phiên giảm này thì VN-Index đã rơi về vùng hỗ trợ trong khoảng 1.400-1.450 điểm (tương ứng với vùng đáy của thị trường trong tháng 12/2021). Kết hợp với nền tảng thanh khoản thấp như hiện tại thì khả năng thị trường tiếp tục giảm mạnh trong thời gian tới là thấp. VN-Index có thể sẽ bước sang giai đoạn giằng co với biên độ trong khoảng 1.400-1.450 điểm và nếu bứt phá lên trên ngưỡng 1.450 điểm thì có thể kỳ vọng vào một nhịp hồi phục. Nhà đầu tư đã tham gia bắt đáy trong phiên 12/1 và đã gia tăng tỷ trọng cổ phiếu trong phiên hôm nay có thể tiếp tục canh những nhịp điều chỉnh về ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.400 điểm (nếu có) trong phiên tiếp theo để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu nhằm hướng đến sóng tăng của thị trường có thể diễn ra sau kỳ nghỉ Tết. Theo thống kê, điều này đã diễn ra 5/6 lần trong giai đoạn 2016-2021 (ngoại trừ năm 2020 thị trường giảm do Covid-19).

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

18/1/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc đỏ trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán xuyên suốt từ đầu phiên cho đến hết phiên, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.424,65 điểm. Mặc dù trong phiên, đã có những lần lực cầu xuất hiện nhưng chỉ số chỉ hồi phục đến gần tham chiếu rồi tiếp tục đà giảm. Kết phiên, VN-Index giảm 13,9 điểm (-0,96%) xuống 1.438,94 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VHM giảm 2.100 đồng, GVR giảm 2.150 đồng, VIC giảm 1.100 đồng. Ở chiều ngược lại, VCB tăng 1.400 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng giảm điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán xuyên suốt từ đầu cho đến cuối phiên, với mức thấp nhất trong phiên tại 417,21 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 24,13 điểm (-5,42%) xuống 421,21 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD giảm 23.100 đồng, NVB giảm 2.900 đồng, CEO giảm 6.400 đồng. Ở chiều ngược lại, PVS tăng 900 đồng.

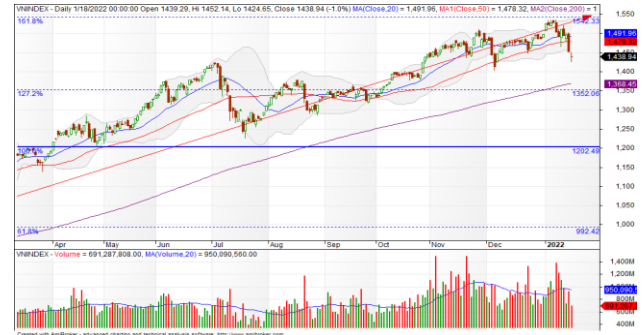
GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 896,18 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 29,1 triệu đơn vị. STB là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 137 tỷ đồng tương ứng với 4,1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là SSI với 52,5 tỷ đồng tương ứng với 1,2 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CTG là mã bị bán ròng nhiều nhất với 71,2 tỷ đồng tương ứng với 2 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 4,16 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 340 nghìn cổ phiếu. PVI là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 5,7 tỷ đồng tương ứng với 124 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là TNG với 730 triệu đồng tương ứng với 24,4 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, THD là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 4,9 tỷ đồng tương ứng với 22 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm điểm trong phiên thứ 4 liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra đã có sự suy yếu nhất định, giá giảm một phần do lực cầu trong giai đoạn hiện tại là khá yếu.

Góc nhìn kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên điều chỉnh thứ 4 liên tiếp này (-0,96%) thì chỉ số VN-Index đã lùi vào vùng hỗ trợ trong khoảng 1.400-1.450 điểm (tương ứng với đáy của chỉ số vào tháng 12/2021). Cho nên khả năng giảm mạnh của thị trường vào lúc này không được đánh giá cao và có lẽ thị trường sẽ bước vào giai đoạn giằng co giữa bên mua và bên bán tại vùng giá hiện tại.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 19/1, chỉ số VN-Index có thể sẽ bước vào giai đoạn giằng co giữa bên mua và bên bán trong vùng hỗ trợ 1.400-1.450 điểm. Nếu có thể vượt lên ngưỡng 1.450 điểm trong phiên tiếp theo thì có thể mong đợi vào một nhịp hồi phục của thị trường trong thời gian tới.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam

Theo Tổng cục Thống kê (TCTK), năm 2021 tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa cả năm về đích với con số kỷ lục, đạt 668,54 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm 2020.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước đi ngang

Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 61,05 - 61,65 triệu đồng/lượng, tăng 50.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 50.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.

Tỷ giá trung tâm tăng 12 đồng

Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 18/1 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.097 VND/USD, tăng 12 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới giảm

Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 5,15 USD/ounce tương ứng với 0,29% xuống 1.811 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng

Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,169 điểm tương ứng 0,18% lên 95,330 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1394 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3636 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 114,58 JPY.

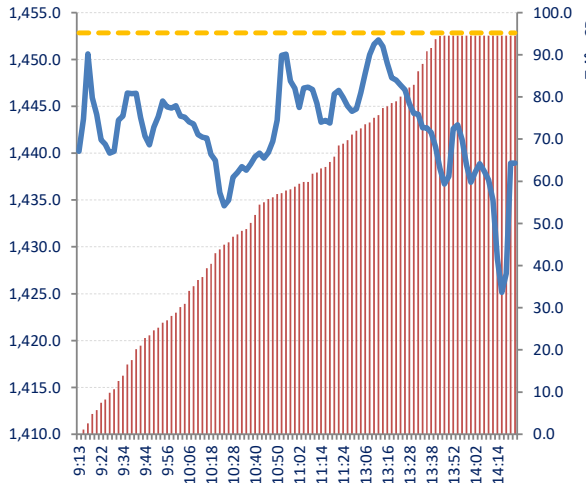
Giá dầu thế giới tăng

Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 1,23 USD/thùng tương ứng với 1,5% lên 84,55 USD/thùng.

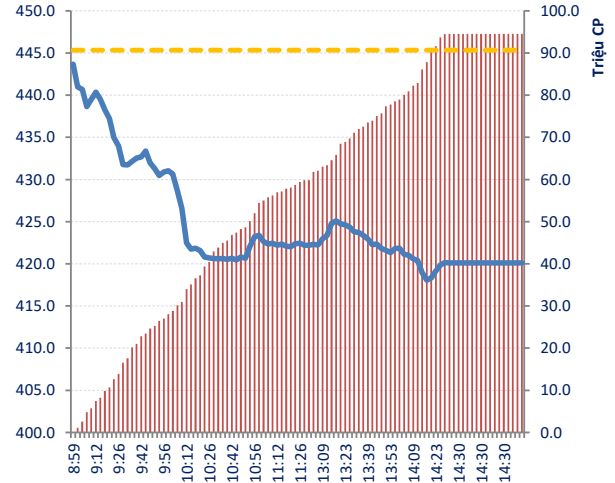
Chứng khoán Mỹ nghỉ giao dịch

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

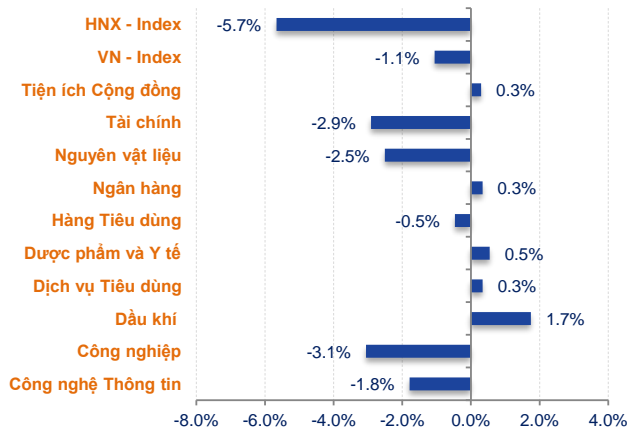
KLGD và VN-Index trong phiên



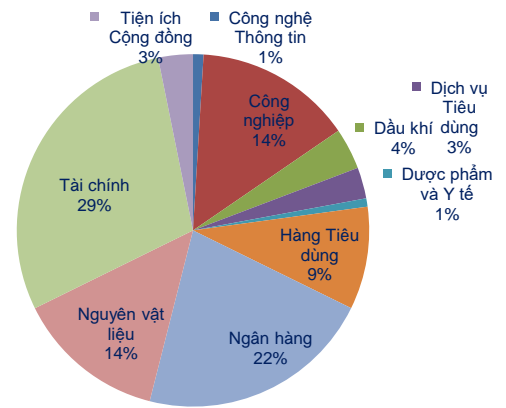
KLGD và HNX-Index trong phiên



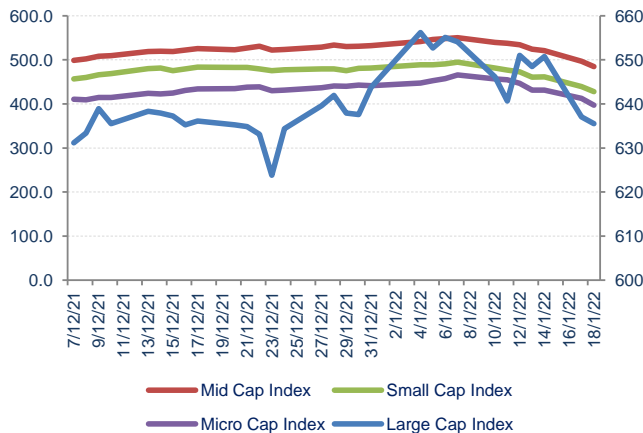
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



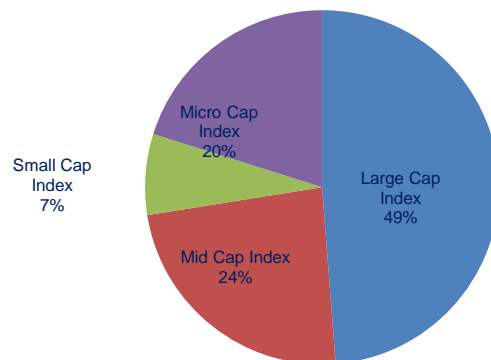
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	4,091,300	CTG	2,037,000
2	ITA	1,373,900	HPG	891,900
3	HNG	1,347,100	TPB	798,155
4	SSI	1,200,800	VHM	413,800
5	IJC	1,088,200	PVT	413,300

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	KLF	114,500	TTH	62,500
2	PVI	110,900	PVS	53,500
3	MBG	45,100	THD	22,100
4	IVS	39,500	ITQ	18,200
5	PVG	34,900	TTC	10,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
STB	32.60	33.95	↑ 4.14%	38,549,700
POW	16.50	15.45	↓ -6.36%	26,738,000
GEX	41.05	38.20	↓ -6.94%	22,840,600
HAG	15.65	14.80	↓ -5.43%	21,293,100
HPG	44.70	43.85	↓ -1.90%	20,604,500

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	28.00	28.60	↑ 2.14%	11,296,849
SHS	42.80	39.50	↓ -7.71%	7,493,806
ART	10.10	9.10	↓ -9.90%	7,179,630
CEO	64.00	57.60	↓ -10.00%	3,371,590
HUT	18.90	19.20	↑ 1.59%	3,318,934

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
AGM	29.95	32.00	2.05	↑ 6.84%
FDC	16.90	18.05	1.15	↑ 6.80%
DPM	39.20	41.85	2.65	↑ 6.76%
DCM	27.20	29.00	1.80	↑ 6.62%
PVD	32.00	33.50	1.50	↑ 4.69%

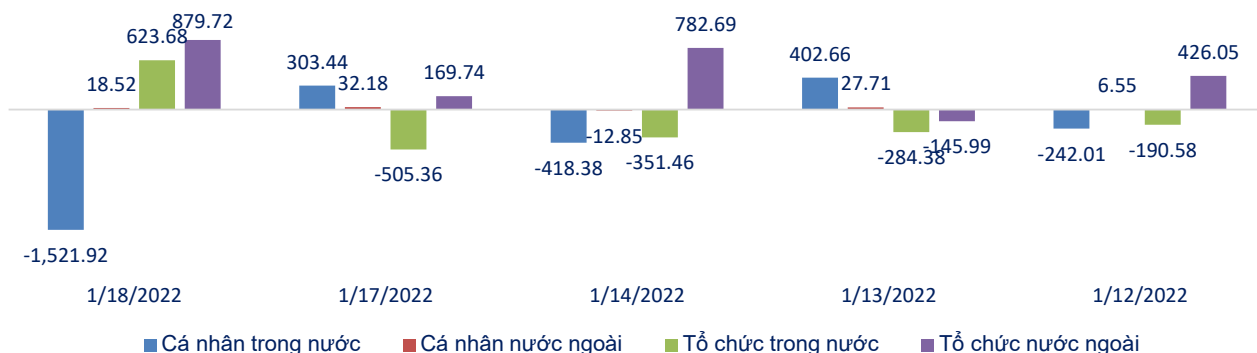
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VLA	61.00	67.10	6.10	↑ 10.00%
ECI	39.00	42.90	3.90	↑ 10.00%
L40	32.80	36.00	3.20	↑ 9.76%
LBE	27.70	30.40	2.70	↑ 9.75%
ADC	26.80	29.30	2.50	↑ 9.33%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VIX	28.60	26.60	-2.00	↓ -6.99%
TCR	8.00	7.44	-0.56	↓ -7.00%
TCH	22.15	20.60	-1.55	↓ -7.00%
PIT	9.44	8.78	-0.66	↓ -6.99%
JVC	9.29	8.64	-0.65	↓ -7.00%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ICG	14.00	12.60	-1.40	↓ -10.00%
VXB	38.00	34.20	-3.80	↓ -10.00%
L18	57.00	51.30	-5.70	↓ -10.00%
CSC	114.00	102.60	-11.40	↓ -10.00%
L43	7.00	6.30	-0.70	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	36.85	18.1%	3,439	10.2	1.8
VHM	21.53	38.3%	8,968	8.8	2.9
HPG	16.85	44.7%	7,085	6.3	2.4
TPB	14.20	23.1%	3,144	12.8	1.9
HDG	11.61	17.6%	4,088	14.7	2.5

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-152.80	11.1%	1,864	17.5	1.8
VNM	-83.21	31.0%	5,037	16.5	5.1
VIX	-77.84	37.3%	3,827	7.5	1.6
SSI	-68.14	16.5%	2,019	22.4	3.3
VCB	-65.25	20.4%	4,464	19.3	3.7

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCI	9.78	24.5%	3,456	16.7	3.0
IJC	8.15	23.5%	3,643	7.8	1.9
HDC	7.23	26.2%	3,957	22.5	5.6
VCB	4.87	20.4%	4,464	19.3	3.7
VHM	3.45	38.3%	8,968	8.8	2.9

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PVD	-18.08	0.2%	69	466.9	1.0
TVS	-6.60	36.5%	4,858	8.7	2.6
CTG	-4.09	18.1%	3,439	10.2	1.8
DQC	-2.70	2.1%	706	51.4	1.1
DIG	-0.93	13.1%	1,487	60.5	6.8

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	75.89	37.3%	3,827	7.5	1.6
FPT	37.34	20.4%	4,436	20.1	4.0
CTG	34.70	18.1%	3,439	10.2	1.8
VNM	33.15	31.0%	5,037	16.5	5.1
VIC	32.30	2.9%	1,111	87.3	2.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCI	-44.98	24.5%	3,456	16.7	3.0
FUESSVFL	-16.32	N/A	N/A	N/A	N/A
E1VFN30	-15.14	N/A	N/A	N/A	N/A
NKG	-12.13	46.6%	9,137	3.9	1.5
NVL	-10.24	7.9%	1,577	50.7	3.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	137.74	11.1%	1,864	17.5	1.8
SSI	51.79	16.5%	2,019	22.4	3.3
VNM	49.02	31.0%	5,037	16.5	5.1
VCB	47.74	20.4%	4,464	19.3	3.7
DPM	43.56	18.4%	4,029	9.7	1.7

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-67.46	18.1%	3,439	10.2	1.8
HPG	-40.15	44.7%	7,085	6.3	2.4
VHM	-36.36	38.3%	8,968	8.8	2.9
TPB	-32.21	23.1%	3,144	12.8	1.9
HDG	-11.61	17.6%	4,088	14.7	2.5



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	38,549,700	11.1%	1,864	17.5	1.8
POW	26,738,000	3250.0%	1,167	14.1	1.2
GEX	22,840,600	8.6%	1,754	23.4	1.8
HAG	21,293,100	-18.4%	(1,220)	-	2.9
HPG	20,604,500	44.7%	7,085	6.3	2.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	11,296,849	4.6%	1,238	22.6	1.0
SHS	7,493,806	25.5%	3,020	14.2	2.2
ART	7,179,630	0.3%	32	319.5	0.9
CEO	3,371,590	-4.7%	(606)	-	5.1
HUT	3,318,934	-9.9%	(1,039)	-	1.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
AGM	↑ 6.8%	5.0%	1,240	24.2	1.2
FDC	↑ 6.8%	2.6%	403	42.0	1.1
DPM	↑ 6.8%	18.4%	4,029	9.7	1.7
DCM	↑ 6.6%	15.8%	1,952	13.9	2.2
PVD	↑ 4.7%	0.2%	69	466.9	1.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VLA	↑ 10.0%	-12.9%	(1,593)	-	5.2
ECI	↑ 10.0%	12.7%	2,516	15.5	2.0
L40	↑ 9.8%	16.2%	3,174	10.3	1.7
LBE	↑ 9.7%	6.5%	1,177	23.5	1.6
ADC	↑ 9.3%	16.8%	2,618	10.2	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	4,091,300	11.1%	1,864	17.5	1.8
ITA	1,373,900	1.5%	174	83.8	1.2
HNG	1,347,100	0.7%	51	199.1	1.4
SSI	1,200,800	16.5%	2,019	22.4	3.3
IJC	1,088,200	23.5%	3,643	7.8	1.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	114,500	0.1%	6	1,053.1	0.6
PVI	110,900	13.2%	4,291	10.8	1.5
MBG	45,100	4.0%	422	31.0	1.2
IVS	39,500	4.1%	412	33.3	1.3
PVG	34,900	4.3%	578	21.5	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	407,943	20.4%	4,464	19.3	3.7
VIC	369,106	2.9%	1,111	87.3	2.2
VHM	344,430	38.3%	8,968	8.8	2.9
BID	220,805	12.0%	1,975	22.1	2.6
GAS	200,199	16.9%	4,384	23.9	4.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	81,165	25.2%	4,694	49.4	14.0
KSF	30,000	8.8%	747	133.9	5.0
IDC	19,500	11.8%	1,805	36.0	4.2
VCS	16,992	41.5%	11,163	9.5	3.6
BAB	16,946	8.6%	979	23.0	1.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TNI	3.85	0.1%	9	932.7	0.7
DRH	3.69	2.1%	292	95.4	2.0
DXV	3.68	-3.1%	(336)	-	0.7
DIG	3.61	13.1%	1,487	60.5	6.8
SJF	3.61	0.5%	51	249.4	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.88	9.9%	475	26.5	2.5
L18	3.46	4.5%	683	83.5	4.0
ART	3.36	0.3%	32	319.5	0.9
CEO	2.82	-4.7%	(606)	-	5.1
APS	2.72	22.8%	1,571	18.5	2.5



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
